

NGHĨA VÀ Ý VỚI DẠY HỌC NGOẠI NGỮ

Trần Hữu Luyện

Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội

1. Trong tâm lý ngôn ngữ học, các khái niệm “ý” và “nghĩa” có phạm vi thể hiện rất rộng. Những khái niệm này là cốt lõi sinh động của giao tiếp ngôn ngữ. Chúng có mặt trong mọi hoạt động sản sinh và tiếp nhận lời nói, gắn với các bình diện ngôn ngữ và với các quá trình tâm lý cấp cao của con người. Việc làm rõ những khái niệm này, đặc biệt là mối liên hệ giữa chúng, không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận, mà cả về mặt thực tiễn, nhất là trong vận dụng vào dạy học ngữ, dạy học văn, kể cả tiếng mẹ đẻ và tiếng nước ngoài.

Nghiên cứu về nghĩa và ý đến nay đã có bề dày hàng thế kỷ. Những công trình nghiên cứu về nghĩa và ý có khá nhiều, được thực hiện chủ yếu dựa trên quan điểm tâm lý học hành vi Mỹ và tâm lý học hoạt động Liên Xô. Các tác giả đại diện cho nghiên cứu dựa trên lý luận tâm lý học hành vi thường được nhắc đến nhiều nhất là R. Brown, J. Deese, J. Fodors, J. Katz, Ch. Osgood, D. Slobis ... Các nhà nghiên cứu đại diện cho quan điểm tâm lý học hoạt động là L.X. Vưgốtxki, A.R. Luria, A.N. Leônchiev, A.A. Leônchiev, I.A. Dimnhia, V.F. Petrenko, A.G. Smelev, Iu. Xorokin ... Trong bài viết này, tác giả chỉ trình bày những kiến giải về nghĩa và ý theo quan điểm của các nhà tâm lý học hoạt động và nêu ý nghĩa của những kiến giải đó đối với dạy học ngoại ngữ.

2. Nghĩa (значение, meaning) là một trong những khái niệm rất khó của khoa học tâm lý ngôn ngữ. Nó được giới nghiên cứu đánh giá là khái niệm còn rất không xác định và có nhiều mâu thuẫn nhất. Nghĩa càng gắn với việc sử dụng ngôn ngữ thì càng khó phân định ranh giới giữa nghĩa và ý.

Các nhà tâm lý học hoạt động, trước hết là L.X. Vưgốtxki, đã xem xét nghĩa dựa trên những nguyên tắc của triết học Mác xít. Họ đã vận dụng phương pháp tiếp cận hoạt động của K. Mác và F. Engel vào vấn đề nghĩa. Những nét nổi bật trong phương pháp tiếp cận này về giải quyết vấn đề nghĩa có thể tóm tắt như sau.

2.1. Nghĩa được xem xét như là sản phẩm xã hội, sản phẩm của nền văn hóa - lịch sử loài người. Chính những luận điểm Mác xít về bản chất xã hội, bản chất văn hóa - lịch sử của tâm lý người đã dẫn L.X. Vưgốtxki đến quan niệm trên về vấn đề nghĩa [2]. Như vậy, nghĩa có bản chất xã hội, mang tính văn hóa lịch sử. Xem xét nghĩa cần thấy rõ điều đó.

2.2. Nghĩa được xem xét gắn với ý thức của con người. Không thể nói đến nghĩa mà không có ý thức. Nghĩa bao giờ cũng chỉ là nghĩa với con người khi nằm trong trường của ý thức. Theo L.X. Vưgốtxki, tính hệ thống của sự tổ chức các

nghĩa, khả năng diễn đạt lại nội dung của pi. + ngôn, việc thể hiện nghĩa này qua nghĩa khác chính là đồng nghĩa với tính ý thức [2]. Như vậy, việc tìm kiếm nguồn gốc và sự phát triển của nghĩa cũng phải tiến hành như việc tìm kiếm nguồn gốc và sự phát triển của ý thức.

2.3. Nghĩa được xem xét như một chức năng của công cụ được cố định lại về mặt lịch sử, không tồn tại ở động vật. Nghĩa gắn với mặt sinh học của hoạt động sống. Theo L.X. Vugótxki, nghĩa là đơn vị gắn kết các quá trình (hoạt động) thông báo với quá trình (hoạt động) khái quát, nghĩa là đơn vị của tư duy ngôn ngữ như là những công cụ đặc biệt của các hoạt động của con người, làm nên con người [2]. Như vậy, việc xem xét nghĩa cũng giống như việc xem xét việc chế tạo ra những công cụ (tinh thần) vì hoạt động sống của con người.

2.4. Nghĩa được xem xét như là sự phản ánh hiện thực (nhờ ý thức, do con người) và được cố định lại dưới các hình thái khái niệm, kiến thức, thậm chí dưới các hình thái kỹ năng (như là hình ảnh khái quát của hành động) và các hình thái chuẩn mực của hành vi ... Chính việc tiếp tục nghiên cứu nghĩa như đường hướng tạo thành ý thức của L.X. Vugótxki mà A.N. Leônchiev đã đưa ra quan niệm này về việc xem xét nghĩa [11; 242]. Như vậy, việc tìm hiểu nghĩa không thể không tính đến các vấn đề khái niệm, kiến thức, kỹ năng như những trình độ phát triển của nghĩa.

2.5. Rất quan trọng, nghĩa được xem xét như một hình thái biến đổi của hoạt động của chủ thể đang nhận thức và cải tạo thế giới. A.A. Leônchiev nói : Vì trong nghĩa cố định lại những thuộc tính cơ bản của khách thể theo quan điểm thực tế nên có thể xem xét nghĩa như một hình thái biến đổi của hoạt động [7; 180]. Cách xem xét này về nghĩa cho thấy mặt thao tác của nghĩa, nghĩa có bản chất hoạt động. Nghiên cứu nghĩa cần đặc biệt chú ý đến điểm này.

2.6. Nghĩa được xem xét gắn với ngôn ngữ. Tiếp tục tư tưởng của Hegel về nghĩa được cố định vào trong hình thái ký hiệu, trong nghĩa của từ, A.R. Luria đã gọi từ là một hình thái phản ánh đặc biệt và nhờ đó con người có thể chủ ý gọi ra các hình ảnh của hiện thực (nghĩa) mà không phụ thuộc vào sự có mặt của hiện thực đó. Ông gọi những hình ảnh đó là thế giới thứ hai và con người có thể chủ ý điều khiển thế giới thứ hai này [12; 37]. Như vậy, để xem xét nghĩa cần xem xét hàng loạt vấn đề của ngôn ngữ.

2.7. Nghĩa được xem xét như một công cụ, một phương tiện để chuyển ý trong giao tiếp ngôn ngữ. Nghĩa có mục đích của nó, nhưng xét đến cùng là để phục vụ cho ý. Theo A.N. Leônchiev, nghĩa nói chung tồn tại để thực hiện ý [10; 353].

Trên đây là một số nét nổi bật trong phương pháp tiếp cận hoạt động về vấn đề nghĩa. Những nét đó cho thấy việc xem xét nghĩa được đặt trong những phạm vi rất rộng, từ hiện thực sinh động đến tư duy, ý thức phức tạp của con người theo suốt cả một bề dày lịch sử - văn hóa xã hội loài người, gắn với ngôn ngữ, với ý của

chủ thể trong giao tiếp trên một trục vững chắc là hoạt động sống của con người. Từ đây cho thấy, việc dạy học ngoại ngữ có nội dung liên quan đến vấn đề nghĩa cần phải tính đến tất cả những mặt nêu trên; do phạm vi các mặt rất rộng nên trong từng thời điểm cụ thể cần lựa chọn những mặt phù hợp để thực hiện.

3. Vấn đề nghĩa và ý về mặt ngôn ngữ học thường ít có sự phân biệt, cả hai đều là những yếu tố của bình diện nội dung [6], nhưng về mặt tâm lý ngôn ngữ học, đặc biệt trong các hoạt động sản sinh và tiếp nhận lời nói thì chúng hoàn toàn không tương đồng với nhau, mà có sự khác nhau rất cần phân biệt.

Triển khai nghiên cứu theo hướng tiếp cận hoạt động, các nhà triết học, tâm lý học và tâm lý ngôn ngữ học hoạt động đã thu được những kết quả rất đáng trân trọng về nghĩa và ý, đặc biệt là về mối quan hệ giữa chúng trong hoạt động nói chung và trong giao tiếp ngôn ngữ nói riêng.

3.1. Nghĩa là cái có tính chất tinh thần. A.N. Leônchiev gọi nghĩa là hình thái tinh thần của tồn tại của thế giới đối tượng, của những thuộc tính, những mối liên hệ và quan hệ của thế giới đó. Trong hình thái tinh thần này các đối tượng, thuộc tính và mối liên hệ, quan hệ của chúng đã được cải tạo lại, rút gọn lại và được cố định lại trong vật liệu ngôn ngữ [8; 134]. Chính vì vậy, có nhà nghiên cứu đã gọi nghĩa là mô hình tinh thần khái quát của khách thể ở trong ý thức của chủ thể [13; 10] hoặc gọi là thành phần cấu trúc logic của khách thể [5; 377]. Như vậy, nói nghĩa là cái có tính chất tinh thần thì phải thấy ngay nó là cái phản ánh cái vật chất, nó gắn với cái vật chất có thật, cụ thể (sự vật, hiện tượng). Cho nên nghĩa là nghĩa của sự vật, hiện tượng. Nghĩa chỉ chứa đựng những thuộc tính và mối quan hệ cơ bản của sự vật, hiện tượng, nên nói chính xác hơn nghĩa là thành phần cấu trúc logic của sự vật, hiện tượng. Điều này cho thấy về nguồn gốc nghĩa tồn tại ở ngay trong sự vật, hiện tượng. Nghĩa còn tồn tại (được cố định lại) trong từ ngữ của một thứ tiếng cụ thể. Nó được xác định theo vai trò của đối tượng này so với đối tượng khác [3; 148], giữ một vị trí xác định trong một hệ thống cụ thể. Nó tồn tại dưới dạng các kiến thức, biểu tượng, khái niệm ... [11; 242]. Chính những điều trên đã làm cho nghĩa không phụ thuộc vào thái độ riêng của mỗi người, do đó nó có tính khách quan, tính xã hội và tính chuẩn mực. Thí dụ, nghĩa trong từ “mùa xuân” là thống nhất ở mọi người và tồn tại ngay trong hiện tượng mùa xuân.

3.2. Tuy cũng là cái có tính chất tinh thần, gắn với ý thức, nhưng khác với nghĩa, ý (**смысл**, sense) là cái không có sẵn. Theo A.N. Leônchiev, ý thể hiện mối quan hệ giữa động cơ với mục đích [9; 293]. P.Ia. Galperin nói, ý được xác định theo quan hệ đối với các nhu cầu của chủ thể [3; 148]. Như vậy, ý bắt nguồn từ trong cuộc sống của con người, trong hoạt động của chủ thể với đối tượng, tức trong quan hệ qua lại giữa con người với sự vật, hiện tượng hoặc với người khác. ý gắn với nội dung trải nghiệm của con người trong hoạt động, giao tiếp và được xác định theo động cơ, nhu cầu của chủ thể, do đó có phạm vi biến động lớn, rộng hơn phạm vi của nghĩa. ý bao giờ cũng mang đậm tính cá nhân, chủ quan, tùy theo từng cuộc

đòi mỗi người. A.N. Leônchiev nói rằng, ai cũng hiểu rõ thế nào là cái chết (nghĩa), nhưng đối với những người sắp kề miệng lỗ thì cái nghĩa đó (tri thức về cái chết) ngày càng có những ý khác nhau, tức là người ta càng cảm thấy độ “thân thiết” của cái chết ở những mức độ khác nhau, tùy thuộc hoàn cảnh của mỗi người [9].

3.3. Ý và nghĩa có sự khác nhau rất lớn cần phân biệt, nhưng chúng lại có quan hệ chặt chẽ với nhau. Khi phân biệt ý và nghĩa, A.N. Leônchiev đã cố tách ý ra khỏi nghĩa, nhưng chúng vẫn ở trong mối ràng buộc lẫn nhau [9]. Ý không thể tồn tại độc lập, tách biệt hẳn với nghĩa. Ý phải nương nhờ vào nghĩa để tồn tại và thể hiện ra bên ngoài. Nghĩa là công cụ để tồn tại ý, là phương thức để khách quan hóa ý. Mối quan hệ gắn bó giữa ý và nghĩa có thể thấy rõ hơn như sau :

- Ý gắn với cuộc sống thông qua nghĩa. A.N. Leônchiev nói : Mỗi ý đem cái nghĩa để liên hệ với cuộc sống [9]. Từ đây cho thấy một nghĩa có thể chở nhiều ý, một nghĩa có thể có nhiều ý khác nhau đối với các cá nhân khác nhau (và một ý có thể có nhiều cách nói khác nhau).

- Quá trình chuyển ý vào nghĩa gắn với quá trình cụ thể hóa động cơ của hoạt động vào các mục đích của hành động. Chính trong quá trình này, một cách tương ứng, ý được cụ thể hóa vào nghĩa xác định trong mục đích của hành động.

- Thường nghĩa tồn tại là để thực hiện ý vì hành động và thao tác (nghĩa) chỉ nhằm thực hiện một hoạt động do sự thúc đẩy của động cơ và nhu cầu (ý). Đồng thời, ý bao giờ cũng là ý của cái gì đó (nghĩa), không có cái ý thuần khiết, chỉ là ý, không có vật thể [9; 353].

- Quá trình ý hiện thân vào nghĩa là một quá trình chứa đựng nội dung tâm lý sâu sắc, thâm kín, chứ không phải là thoáng qua, tự phát. Chính vì vậy, mỗi ý được thể hiện ra bằng những nghĩa rất phong phú, bằng những cách nói năng, bằng những từ ngữ rất đa dạng để chứa đựng những nội dung tâm lý này.

- Thái độ của ý đối với nghĩa là hoàn toàn khác nhau trong những cá nhân khác nhau. Thái độ này có thể là day dứt, tha thiết, mê say hay dửng dưng, lạnh nhạt, thờ ơ. Dùng nghĩa để thể hiện ý ở góc độ này chính là lập một vòng vây nghĩa khoanh vùng có ý. Do đó có thể chỉ đích thực được nghĩa, chứ không thể chỉ đích thực được ý. Phải tìm ý trong vòng vây của nghĩa. Phải đoán ý là vì vậy.

Những điều trên đây là rất có ý nghĩa đối với dạy học ngoại ngữ, đặc biệt trong dạy diễn đạt các loại hình lời nói và phân tích sự diễn đạt các loại hình lời nói đó.

4. Nghĩa có nhiều loại. Mỗi loại nghĩa là một kiểu thể hiện ý xác định.

Các nhà tâm lý ngôn ngữ học chia nghĩa thành một số loại như nghĩa thật - nghĩa ảo, nghĩa đen - nghĩa bóng, nghĩa ngôn ngữ và nghĩa văn.

Tiêu chí để phân biệt các loại nghĩa có nhiều, nhưng những nhà tâm lý ngôn ngữ học đã chọn một tiêu chí đặc trưng, có liên quan đến bản chất của nghĩa.

Như các mục trước đã nêu, trong nghĩa cố định lại những thuộc tính căn bản và những quan hệ chủ yếu của sự vật, hiện tượng. Những cái này là những thành phần tạo nên nghĩa. Chúng không tồn tại riêng rẽ, mà nằm trong một cấu trúc xác định, nhờ đó tạo nên chính sự vật, hiện tượng và phân biệt với các sự vật, hiện tượng không phải là nó. Người ta gọi đó là cấu trúc lôgic của nghĩa hay là sơ đồ nghĩa. Dưới đây là một số ý kiến về các loại nghĩa [4] :

Nghĩa thực ở ngay trong sự vật, hiện tượng, còn nghĩa ảo ở trong đầu, tương ứng với nghĩa thực; chúng khác nhau về hình thái tồn tại nhưng có cùng một cấu trúc lôgic, một sơ đồ nghĩa.

Nếu vật liệu là hữu cơ thì nghĩa thực được tách ra dưới dạng sơ đồ nghĩa gọi là nghĩa đen. Cùng một sơ đồ với nghĩa đen, nhưng với vật liệu xa lạ thì là nghĩa bóng. Thí dụ, cái ô che đầu nếu sơ đồ nghĩa được tách ra thì đó là nghĩa đen, còn cái ô trong “*ông ấy có nhiều ô dù lắm*” thì rõ ràng sơ đồ nghĩa vẫn cùng với nghĩa đen, nhưng đây là nghĩa bóng. Cơ chế chuyển từ nghĩa đen sang nghĩa bóng là liên tưởng, mô phỏng.

Như vậy, nghĩa thực không cần đến sơ đồ nghĩa, không cần cả tên (từ ngữ), nghĩa đen lại cần có. Nghĩa ảo chỉ là cái đối lập với nghĩa thực như hình với bóng, còn nghĩa bóng thì bị sơ đồ ràng buộc về chất liệu, nhưng tự do về vật liệu.

Nghĩa ngôn ngữ và nghĩa văn là hai hình thức phát triển cao của nghĩa. Nghĩa ngôn ngữ là một sáng tạo của tư duy theo quy luật của ngôn ngữ học. Thí dụ, tấm lòng vàng, bàn tay sắt ... ở đây, sơ đồ nghĩa thì không có gì khác so với nghĩa đen và nghĩa bóng, nhưng vật liệu cho sơ đồ đó thì hoàn toàn “tự do” và sức mạnh của ngôn ngữ chính là nằm ở vật liệu :

Đàn ông những hai lá gan

Lá ở cùng vợ, lá toan cùng người.

Rõ ràng ở đây không thể có nghĩa thực : Đàn ông có những hai lá gan. Và nghĩa đen cũng không có nốt. Chỉ có nghĩa ngôn ngữ. Cái thực ở đây không phải ở chỗ có hai lá gan, mà ở cái tỷ lệ 1/2 trong cách cư xử thật với vợ và với phụ nữ. Cũng vậy, lá gan ở đây không có nghĩa thực, không có nghĩa ảo, không có nghĩa đen, cũng chẳng phải nghĩa bóng.

Nghĩa văn là trình độ phát triển cao nhất thuộc phạm trù nghĩa. Đó là trình độ chỉ có lý tính mới có thể đạt đến được. ở đây, có hai đặc điểm liên hệ mật thiết với nhau :

- Nghĩa phải đạt đến trình độ khái niệm.
- Nghĩa không tồn tại tự nó, không có mục đích cho mình, mà vì mục đích của kẻ khác.

Nghĩa văn biểu thị sức níu cuối cùng của nghĩa. Trong văn chương nghĩa chỉ như sợi dây lèo buộc cho con diều văn bay lượn trên bầu trời tinh thần.

Ý là khái niệm thích hợp cả với nghĩa văn.

Qua một số ý kiến nêu trên về các loại nghĩa thấy rất rõ ở những loại nghĩa ban đầu ý và nghĩa có sự tách biệt nhau, nhưng càng ở những loại sau, càng ở trình độ phát triển cao, nghĩa càng có xu hướng gần lại với ý. Người ta đã có lý khi đề xuất rằng dạy ngữ là dạy nghĩa, còn dạy văn là dạy ý.

Dạy học ngoại ngữ không phải chỉ cung cấp tri thức ngôn ngữ, hình thành kỹ năng, kỹ xảo lời nói (nghĩa), mà để làm những điều đó còn cần phải gây được hứng thú, hình thành động cơ, tạo ra nhu cầu nói năng bằng ngoại ngữ đó (ý). Do đó, những điều phân tích trên đây về nghĩa và ý rất có ý nghĩa trong dạy học ngoại ngữ.

5. Nghĩa và ý không chỉ có sự liên quan với nhau, mà còn đều có sự liên quan với khái niệm, với từ ngữ (ngôn ngữ). Nói về ý và nghĩa mà không nói đến khái niệm, đến từ ngữ và sự hình thành của chúng thì về mặt tâm lý học, tâm lý ngôn ngữ học còn để lại một khoảng trống lớn.

5.1. Khái niệm trong tâm lý học được thể hiện là cái bản chất đích thực của sự vật, hiện tượng; cái để khẳng định sự vật, hiện tượng là chính nó, phân biệt với những sự vật, hiện tượng không phải là nó. Nói khác đi, khái niệm là cấu trúc lôgic tường minh của sự vật, hiện tượng [5; 377]. Cái bản chất này, cái cấu trúc lôgic tường minh này của sự vật, hiện tượng không thể thấy được bằng quan sát (tri giác) hay tư duy nội quan. Phải bằng hoạt động (hành động) tác động vào sự vật, hiện tượng thì mới nắm được cái cấu trúc lôgic tường minh đó (J. Piaget, A.N. Leônchiev, V.V. Đavudov, Hồ Ngọc Đại ...).

Như ở các mục trước đã nêu, nghĩa cũng được hiểu là cấu trúc lôgic của sự vật. Đây là nghĩa nói chung, để khẳng định nghĩa là nghĩa, để phân biệt nghĩa với những cái không phải là nghĩa. Trong thực tế, nghĩa có nhiều trình độ, tồn tại dưới nhiều hình thái. Như A.N. Leônchiev đã chỉ ra (xem mục 2.4), đó là hình thái kiến thức, biểu tượng, khái niệm, thậm chí cả kỹ năng và chuẩn mực hành vi. Tất cả những hình thái này đều có liên quan đến cấu trúc lôgic của sự vật, hiện tượng, nhưng ở những mức độ (trình độ) khác nhau. Thí dụ, kiến thức có thể chỉ phản ánh một vài thành phần cấu thành sự vật, hiện tượng; biểu tượng chỉ phản ánh những thuộc tính bề ngoài của sự vật, hiện tượng ... Trong các hình thái này, chỉ có nghĩa ở trình độ khái niệm, tồn tại dưới hình thái khái niệm mới có cấu trúc lôgic tường minh của sự vật, hiện tượng. Do đó, chỉ có nghĩa phát triển đến trình độ khái niệm, tồn tại dưới hình thái khái niệm là đồng nhất với khái niệm. Nói cách khác, khái niệm là một hình thái của nghĩa, thể hiện trình độ phát triển cao nhất của nghĩa. Các hình thái khác của nghĩa, các trình độ khác của nghĩa chỉ có sự liên quan đến khái niệm, chứ không đồng nhất với khái niệm.

5.2. Nghĩa và khái niệm được cố định lại (khách quan hóa) bằng vật liệu ngôn ngữ (để lưu giữ chúng và để chõ vào trong đầu con người). Nghĩa ở trong từ ngữ, trong ngôn ngữ gọi là ngữ nghĩa. Khái niệm ở trong từ ngữ, trong ngôn ngữ thì từ đó được gọi là thuật ngữ.

Ở mỗi người, ngôn ngữ, nghĩa và khái niệm đều không có sẵn. Những cái này đều phải hình thành mới có, đặc biệt trong mối quan hệ với nhau.

Một điểm quan trọng của năm ngôn ngữ là năm nghĩa của từ. Việc hình thành nghĩa của từ (hay làm cho từ trở nên có nghĩa trong dạy học ngoại ngữ) có liên quan chặt chẽ với việc hình thành khái niệm mà từ đó thể hiện. Dựa theo phương pháp của nhà tâm lý học Đức Narriss Arch, V.A. Archimov đã làm thực nghiệm về vấn đề này. Thực nghiệm đã được tiến hành vào năm 1928 với sinh viên khoa Tâm lý học trường MGU Liên Xô và cuối những năm 60 vừa qua mới công bố [1; 52-56]. Thực nghiệm đó cụ thể như sau :

Người ta làm 24 hình bằng các tông, chia làm 4 nhóm : lớn - nâu, lớn - trắng, bé - nâu và bé - trắng. Mỗi nhóm gồm 2 hình vuông, 2 hình tam giác và 2 hình tròn bằng nhau, trong đó mỗi loại có một nửa số hình có sọc. Trên mỗi hình có ghi một trong 5 từ xa lạ : *Ram, bos, karro, faw* và *ken*.













Cùng một lúc cho các nghiệm thể xem cả 24 hình trên không theo trật tự nào với lời hướng dẫn : “Anh (Chị) chưa rõ các từ tiếng nước ngoài viết trên các hình này. Anh (chị) cũng chưa rõ nội dung khái niệm được các từ này thể hiện. Nhiệm vụ của anh (chị) là phát hiện nghĩa của các từ này và tạo ra khái niệm được các từ này thể hiện”.

Cần thấy trong 24 hình trên có những hình khác nhau, nhưng lại có cùng một tên và có những hình giống nhau lại có nhiều tên. Chính điều này đã làm cho một số nghiệm thể không thực hiện được nhiệm vụ và nói chung mọi nghiệm thể đều gặp khó khăn. Rõ ràng, nếu chỉ dựa vào quan sát và vào kinh nghiệm mỗi sự vật được gọi bằng một từ thì không thể hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Những nghiệm thể thực hiện được nhiệm vụ cho biết họ đã phải sắp xếp (hành động) với các hình đó theo bảng sau (xem bảng) và đã chú ý đến (khái quát được) 2 sọc của các hình được gọi là *karro*. Chính vào thời điểm này tập hợp âm (tập hợp chữ cái) *karro* được cải tạo thành từ *karro*, nghĩa của nó được phát hiện và đồng thời hình thành được khái niệm “hình có sọc” hay “đối tượng có sọc”. Tính sọc ở đây là một thuộc tính bản chất hay là cấu trúc logic của đối tượng. Tiếp đó nghiệm thể dễ dàng giải quyết :

- Ram : vật nâu to
- Bos : vật trắng to
- Faw : vật nâu nhỏ
- Ken : vật trắng nhỏ

V.A. Aronimov nói rằng ở chỗ làm thực nghiệm ra các sinh viên đã gọi chiếc khăn tay trắng là *Ken* (vật nhỏ trắng), cái trần nhà trắng là *Bos* [1; 55].

Cỡ	Mẫu	Nâu			Trắng		
	To						
Ram		Ram	Ram	Bos	Bos	Bos	
Nhỏ							
	Karro	Karro	Karro	Karro	Karro	Karro	

(Làm lại thực nghiệm này với học viên cao học ngoại ngữ của trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội, chúng tôi đã thay thuộc tính màu nâu bằng màu đen và cũng có kết quả tương tự).

Như vậy, rõ ràng là việc cải tạo lại khâu âm học của lời thành từ có nghĩa và khái niệm đã được diễn ra trên cơ sở đồng nhất các đặc điểm vật chất của tín hiệu lời nói và xu hướng nhận thức khái quát các thuộc tính bản chất của đối tượng trong quá trình hoạt động tích cực của con người. Chính sự đồng nhất hình ảnh âm thanh (hoặc chữ viết) của tập hợp âm (hoặc tập hợp chữ cái) với sự nhận thức các thuộc tính bản chất của đối tượng đã tạo nên trong ngôn ngữ nghĩa của từ và trong quan niệm tâm lý khái niệm và từ có nghĩa. Sự liên quan của việc hình thành nghĩa của từ và khái niệm do từ đó thể hiện là như vậy. Bản chất tâm lý của sự hình thành nghĩa của từ và khái niệm do từ đó chỉ là như vậy.

Có thể thấy rõ sự hình thành nghĩa của từ và khái niệm do từ đó thể hiện cần phải đảm bảo được các điều kiện sau :

- Chủ thể phải tích cực hoạt động tác động vào đối tượng.
- Nhận thức được thuộc tính bản chất của đối tượng (cấu trúc lôgic của đối tượng).
- Đồng nhất cấu trúc này với hình ảnh âm thanh của tập hợp âm (hay tập hợp con chữ).

Những điều kiện này cần được đặc biệt chú ý tổ chức khi dạy học nghĩa của từ và nội dung khái niệm do từ đó thể hiện.

5.3. Ý có quan hệ chặt chẽ với ngữ nghĩa và các thuật ngữ.

Ý trong đầu chủ thể được chuyển ra ngoài (cho người khác) nhờ nghĩa, chính xác hơn và thông thường hơn nhờ nghĩa đã được cố định trong ngôn ngữ, tức nhờ ngữ nghĩa. Quá trình sản sinh lời nói chính là hoạt động chuyển ý vào ngữ nghĩa của một ngôn ngữ cụ thể. Do đó, trong lời nói không chỉ có nghĩa mà còn có cả ý. Ngôn ngữ chỉ chứa nghĩa, còn lời nói chứa cả nghĩa và ý.

Khái niệm là một trường hợp đặc biệt của nghĩa, là nghĩa ở trình độ phát triển cao nhất, tức có khả năng phản ánh hiện thực chính xác nhất. Cho nên ý thể hiện qua khái niệm, qua các thuật ngữ luôn có sự chính xác.

Những điều này cho thấy dạy học ngoại ngữ không chỉ là vấn đề dạy nghĩa, dạy các phương tiện chữ nghĩa của ngôn ngữ, mà còn cần chú ý đến vấn đề dạy ý, cách thức thể hiện và tiếp nhận ý thông qua nghĩa, ngữ nghĩa.

6. Những điều đã nêu trên cho thấy ở bình diện tâm lý ngôn ngữ học vấn đề ý và nghĩa là không đơn giản. Những nội dung đã được trình bày chỉ là một số trong nhiều vấn đề thường được các nhà nghiên cứu theo quan điểm tiếp cận hoạt động quan tâm. Tất nhiên, những nội dung này chưa thể làm nên một lý thuyết đầy đủ về nghĩa và ý trong tâm lý ngôn ngữ học, song đã chứng tỏ được ý nghĩa của chúng đối với dạy học ngoại ngữ là hết sức to lớn, đặc biệt khi các nội dung dạy học có liên quan đến vấn đề nghĩa và ý.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Артемов В.А, *Психология обучения иностранным языкам*, М., Изд. "Просвещение", 1969.
2. Выготский Л.С, *Мышление и речь*, М.-Л., 1934.
3. Гальперин П.Я, Опыт систематического определения основных понятий психологии. *Вопросы психологии*, 2(1973).
4. Hồ Ngọc Đại, *Lịch sử phương pháp mới*.
5. Hồ Ngọc Đại, *Bài học là gì?* Nxb Giáo dục, 1985.
6. Kasevich V.B, *Những yếu tố cơ sở của ngôn ngữ học đại cương*, Nxb Giáo dục, 1998 (bản dịch do Trần Ngọc Thêm chủ biên và hiệu đính).
7. Леонтьев А.А, Знак и деятельность, *Вопросы философии*, 10(1975).
8. Леонтьев А.Н, Деятельность и сознание, *Вопросы философии*, 12(1975).
9. Леонтьев А.Н, *Проблемы развития психики*, (Изд. 3), М., 1972.
10. Леонтьев А.Н, *Деятельность. Сознание, Личность*. М., 1975.
11. Леонтьев А.Н, *Избранные психологические произведения*, М., 1983.
12. Лурия А.Р, *Языки и сознания*, М., 1979.
13. Петренко В.Ф, *Психосемантика сознания*, М., 1989.

MEANING AND SENSE IN FOREIGN LANGUAGE
TEACHING AND LEARNING

Tran Huu Luyen

College of Foreign Languages - VNU

Meaning and sense are two interrelated concepts instrumental in verbal communication. They are at the crossroads of many disciplines such as linguistics, psychology, and psycholinguistics. Study of meaning and sense may hold out important implications for foreign language teaching and learning. However, as is noted, the existing amount of research on these entities still fails to shed light on the nature and use of them. This paper makes another attempt to redefine the nature of, relationship between, and the development of, these two concepts. Thus, foreign language education can be facilitated, and put on a more scientific and effective footing.